

Số: **413/2018/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 337/2018/TLST- HNGĐ ngày 01/2/2018 về việc “Xin ly hôn” giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 12/3 Nguyễn Hới, Phường N, TP.V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A4/343 Bùi Hữu Nghĩa, KP.4, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thúy H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thúy H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/9/2008 và cháu Hoàng Gia K, sinh ngày 15/3/2010. Ly hôn, giao hai cháu B và K cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời ông Đ cấp dưỡng nuôi hai cháu là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Đ được quyền đi lại thăm các con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi các con và mức cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về án phí: ông Đ tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ hòa giải thành và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 006247/THA ngày 23/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đường sự;
- VKS ND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

THẨM PHÁN

Thái Thị Thanh B